TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 14 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 28/01/2026
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đua
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Văn Thanh
2. Ông Cao Văn Chuộng

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Võ Bích Trăm – Là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Truyền – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 143/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2026/QĐ-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

1/- Nguyên đơn: Nguyễn Thị T, sinh năm 1989
Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt tại phiên tòa)
2/- Bị đơn: Nguyễn Thế H, sinh năm 1986
Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 16/9/2025, bản tự khai ngày 16/9/2025 nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Thế H tự nguyện kết hôn vào năm 2012. Sau khi kết hôn chị và anh H tổ chức cuộc sống ở ấp T, xã Đ, thành phố Cần Thơ. Quá trình sống chung hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H không lo làm ăn, không chăm lo cho gia đình, con cái nên cuộc sống hôn nhân xảy ra rất nhiều mâu thuẫn, bất

đồng quan điểm nên cả hai không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày thêm trầm trọng. Nhận thấy không thể sống chung với nhau được nữa nên chị làm đơn xin được ly hôn với anh Nguyễn Thế H.

Về con chung: Chị và anh H có 01 (một) con chung cháu tên là Nguyễn Thế A, sinh ngày 11 tháng 3 năm 2015. Từ trước đến nay cháu Thế A sống chung với chị T. Chị có yêu cầu được nuôi con chung không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Không có.

Chị T có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị đơn anh Nguyễn Thế H vắng mặt nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định pháp luật. Đối với bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bị đơn.

Về việc nội dung giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với Nguyễn Thế H. Về con chung đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Thế A sinh ngày 11/3/2015 cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục nuôi con. Do chị T chưa có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên anh H chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung các đương sự khai không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Thế H do phát sinh mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân và gia đình mà không thể hàn gắn tình cảm được với nhau nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh

Nguyễn Thế H. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ.

[2] Xét về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị T đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ cung cấp và giao nộp chứng cứ theo quy định của pháp luật và có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T. Đối với anh Nguyễn Thế H được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt anh H.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T: Hội đồng xét xử nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Thế H là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận thể hiện tại giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 29/2012 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang cấp cho chị T và anh H. Tuy nhiên, quá trình chung sống do vợ bất đồng quan điểm trầm trọng, thường xuyên cãi nhau không thể sống chung với nhau. Điều này chứng minh mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Thế H. Do quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H không còn tồn tại nên Hội đồng xét xử xác định Giấy chứng nhận kết hôn số: 29/2012 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang cấp cho chị T và anh H không còn giá trị pháp lý.

[3.2] Xét yêu cầu nuôi con chung của chị Nguyễn Thị T: Hội đồng xét xử nhận thấy chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Thế H sống chung với nhau có 01 (một) con chung cháu tên là Nguyễn Thế A, sinh ngày 11 tháng 3 năm 2015. Hiện nay cháu Thế A đang sống chung với chị T và có nguyện vọng được sống chung với chị T, nhằm ổn định chỗ ở và theo nguyện vọng của cháu nên Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Thế A cho chị Nguyễn Thị T được tiếp tục nuôi dưỡng. Do chị T chưa có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên anh Nguyễn Thế H chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Do anh H không trực tiếp nuôi con chung nên chị T phải tạo diều kiện thuận lợi để anh H được thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

[3.3] Về tài sản chung: Chị T khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, nếu có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[3.4] Về nợ chung: Chị T khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, nếu có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng.

[5] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Thế H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 29/2012 ngày 28 tháng 3 năm 2012 của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang cấp cho chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Thế H không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thế A sinh ngày 11 tháng 3 năm 2015 cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục nuôi con. Do chị T chưa có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên anh Nguyễn Thế H chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho anh Nguyễn Thế H không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, nếu có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị T khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, nếu có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị T đã nộp theo biên lai số 0006262 ngày 17/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ (nay là Phòng Thi hành án dân sự số 14) thành án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (Chị T đã nộp xong).

6. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Thế H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tp. Cần Thơ;
- VKSND Khu vực 14 – Cần Thơ;
- UBND xã Đông Phước, TP. Cần Thơ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Nguyễn Văn Đua